

Báo cáo kết quả tọa đàm giữa người dân và tọa đàm giữa các nhà lâm nghiệp về quản lý rừng cộng đồng

Ông Lê Văn Lạc: Chi cục trưởng chi cục lâm nghiệp Lào Cai

Đặt vấn đề

Lào Cai là một tỉnh miền núi phía Bắc của Việt Nam, giáp với tỉnh Vân Nam của Trung Quốc. Là địa bàn sinh sống của 556.900 người dân đến từ 27 dân tộc khác nhau, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm gần 70% dân số. Tổng diện tích tự nhiên toàn tỉnh là 636.076 ha, trong đó diện tích đất lâm nghiệp chiếm 66% (419.467,7 ha), diện tích đất có rừng là 285.163,3 ha. Tỷ lệ che phủ rừng trên địa bàn tỉnh trong những năm qua đã có những bước phát triển đột phá, từ 31% năm 1999 lên đến 44,8% năm 2005. Tuy nhiên, ở một số huyện thị như ở Si Ma Cai, Bắc Hà tỷ lệ che phủ rừng còn đạt ở mức độ rất thấp, dưới 30%.

Rất nhiều ý kiến cho rằng một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến việc giảm tài nguyên rừng ở tỉnh Lào Cai là do phương thức canh tác lạc hậu của cộng đồng người dân nơi đây. Tuy nhiên, một số ý kiến lại cho rằng nguyên nhân chính là do người dân chưa được trực tiếp tham gia vào công tác quản lý, bảo vệ, phát triển và hưởng lợi từ rừng. Những ý kiến này chỉ ra rằng trong nhiều thôn bản các cộng đồng có những kinh nghiệm bản địa, cách thức tổ chức quản lý bảo vệ rừng truyền thống rất có hiệu quả. Các chương trình phát triển rừng chưa thực sự phát huy được những kinh nghiệm và luật tục truyền thống của cộng đồng trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

Xuất phát từ những vấn đề nêu trên, tháng 8 năm 2005, Chi cục lâm nghiệp Lào Cai phối hợp với Văn phòng thực địa phát triển nông nghiệp nông thôn Si Ma Cai tổ chức 2 cuộc tọa đàm với chủ đề “Chia sẻ kinh nghiệm quản lý, bảo vệ và phát triển rừng dựa vào cộng đồng” được tổ chức vào ngày 18 tháng 8 năm 2005 tại huyện Si Ma Cai (là tọa đàm giữa người dân với người dân) và cuộc tọa đàm với chủ đề "Cộng đồng tham gia vào quản lý, bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng tại tỉnh Lào Cai" (là tọa đàm giữa các nhà quản lý lâm nghiệp) được tổ chức vào ngày 25 tháng 8 năm 2005 tại Chi cục lâm nghiệp Lào Cai. Đây là bước chuẩn bị rất kỹ cho hội thảo lần này, do vậy trên cơ sở các kết quả đạt được từ 2 tọa đàm, chúng tôi tổng hợp và báo cáo trước hội thảo để làm căn cứ luận trong quá trình tham gia của các thành viên đến tham dự hội thảo.

Báo cáo có 3 phần, gồm: Phần I - Nội dung và phương pháp, Phần II- Kết quả thảo luận: Báo cáo kết quả thảo luận giữa người dân với người dân và báo cáo kết quả thảo luận giữa các nhà quản lý lâm nghiệp, Phần III- những kiến nghị, đề xuất.

Phần thứ nhất: Nội dung và phương pháp

Nội dung

Để nhận dạng đúng các mô hình thành công và thất bại trong quản lý và phát triển tài nguyên rừng trên địa bàn tỉnh Lào Cai, nhằm đúc rút các bài học kinh nghiệm cho phát triển rừng dựa vào cộng đồng trong những năm tới và có những ý kiến của người dân về quản lý, bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng dựa vào cộng đồng cấp thôn bản, từ đó đưa ra được những khuyến nghị cho việc thừa kế và phát huy tính ảnh hưởng của các mô hình quản lý rừng cộng đồng có hiệu quả thì tại cuộc tọa đàm được tổ chức tại huyện Si Ma Cai, với sự tham gia giữa người dân với người dân đến từ các thôn bản của các huyện Si ma Cai, Bảo Thắng và Bát Xát, chương trình đã được thảo luận phát triển dựa trên những trao đổi của các thành viên, từ đó phát triển ra các ý, nội dung trao đổi xoay quanh kinh nghiệm bảo vệ rừng của 02 địa bàn .

Cũng cùng mục tiêu tìm hiểu một bức tranh trung thực về hiện trạng quản lý và phát triển tài nguyên rừng ở tỉnh Lào Cai, xác định được những yếu tố thuận lợi, khó khăn và những thách thức cho việc triển khai các chính sách liên quan đến quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh. Hiểu và đồng thuận trong việc triển khai các hoạt động quản lý và phát triển rừng dựa vào cộng đồng, tọa đàm giữa các nhà quản lý lâm nghiệp được tổ chức tại Chi cục Lâm nghiệp ngày 25/ 8/2005 nội dung cũng đã đạt mục đích nhất định đề từ 2 cuộc tọa đàm trên nêu lên được một tổng thể về thực trạng quản lý và phát triển rừng tại Lào Cai để từ những cơ sở đó, chúng ta xây dựng những giải pháp và định hướng trong công tác quản lý, phát triển rừng dựa vào cộng đồng trên địa bàn tỉnh.

Phương pháp

Cả hai cuộc tọa đàm đều được đồng tổ chức bởi chi cục lâm nghiệp tỉnh Lào Cai và văn phòng thực địa của Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam. Phương pháp tổ chức tọa đàm là chia sẻ mở, dân chủ của các thành viên tham gia về những nội dung liên quan đến vấn đề quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, đặc biệt là các mô hình quản lý rừng cộng đồng ở các thôn bản.

Các thành viên ban tổ chức là người hướng dẫn, đặt những câu hỏi mở để các thành viên tham gia thảo luận, chia sẻ. Việc tổ chức hướng dẫn đảm bảo không khí thoải mái và tạo được sự tham gia của tất cả các thành viên tham dự tọa đàm. Những kinh nghiệm và các vấn đề mà mỗi thành viên đưa ra đều được đặt câu hỏi lại cho những thành viên còn lại trao đổi, thảo luận để tạo sự nhất trí, đồng thuận.

Phần thứ hai: kết quả thảo luận

Kết quả thảo luận tại toạ đàm giữa người dân với người dân tổ chức tại huyện SiMaCai

Nội dung trao đổi xoay quanh kinh nghiệm bảo vệ rừng của 03 địa bàn, gồm:

- Kinh nghiệm về quản lý rừng của cộng đồng người Dao thôn bản Lọt, xã Bản Cầm, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.
- Kinh nghiệm về quản lý, bảo vệ rừng của cộng đồng người Dao xã Dền Sáng, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.
- Kinh nghiệm về quản lý rừng “nào lồng” của cộng đồng người Mông huyện Si Ma Cai.

Quản lý Rừng cộng đồng tại thôn bản Lọt, xã Bản Cầm

Thôn bản Lọt, xã Bản Cầm, huyện Bảo Thắng nằm trên trục đường Quốc lộ 70 cách thành phố Lào Cai khoảng 15 km. Toàn bản có 135 hộ gia đình với 647 nhân khẩu. Trong đó đồng bào dân tộc Dao chiếm khoảng 80% dân số.

Nguyên nhân của việc suy giảm rừng một phần là nhận thức của người dân, tập quán canh tác đốt nương, làm rẫy để giải quyết vấn đề lương thực. Việc suy giảm tài nguyên rừng đã làm cho nước sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp của người dân ngày càng khan hiếm. Trước tình hình đó, năm 1982 người dân trong thôn đã họp lại và lấy nghị quyết toàn thôn để quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Cũng từ đó rừng mới bắt đầu phục hồi trở lại. Người dân có gỗ và nứa để làm nhà. Ruộng lúa có nước để sản xuất 2 vụ.

Để quản lý, bảo vệ rừng người dân trong thôn đã bầu ra một tổ bảo vệ rừng gồm 14 thành viên. Ban đầu, khi chưa có sự hỗ trợ của nhà nước, mỗi hộ gia đình ở trong thôn đóng góp 20 kg thóc mỗi năm để giúp cho tổ bảo vệ rừng. Trên thực tế thì ý thức bảo vệ rừng của người dân rất cao nên công việc của các thành viên tổ bảo vệ cũng tương đối đơn giản.

Năm 1994 dự án 327 bắt đầu hỗ trợ kinh phí cho tổ bảo vệ hoạt động. Đến năm 1999 dự án 327 kết thúc thì lại nhận được sự hỗ trợ của dự án 661. Thu nhập từ tiền công bảo vệ rừng được trích ra từ 10-20% cho thôn để bổ sung vào quỹ của thôn. Đến năm 2004 diện tích rừng đã hết hạn đầu tư của dự án 661. Kinh phí cho hoạt động của tổ bảo vệ cũng không còn nữa. Hiện nay, khu rừng bảo vệ của người dân bản Lọt có diện tích là 274 ha và có khoảng hơn 70 ha đang được trồng và khoanh nuôi bổ sung. Theo như ông Đặng Văn Quang thì kể từ khi rừng được bảo vệ, người dân trong thôn bản có rất nhiều điểm lợi từ rừng, đó là:

- Lấy nứa làm nhà, rào vườn mà không phải đóng thuế.
- Lấy củi khô trong rừng về đun.
- Lấy măng về ăn.
- Có đủ nước cho sinh hoạt và tưới tiêu cho sản xuất, trồng lúa.
- Môi trường sinh thái tốt hơn (không khí dịu hơn và nắng đỡ gay gắt hơn)
- Ngoài ra, người dân cũng đã trồng thêm một số cây có giá trị như luảng, quế vào trong rừng.

Mặc dù người dân nhận thức được những lợi ích như vậy từ rừng nhưng hiện nay rừng bản Lọt đang gặp khó khăn. Tổ bảo vệ rừng của thôn vẫn còn hoạt động nhưng không thường xuyên và kém hiệu quả do không có kinh phí. Cả người dân trong thôn và người ngoài bắt đầu vào rừng để chặt phá.

Quản lý rừng cộng đồng theo lễ hội “nào lòng” của cộng đồng Hmông huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai

Huyện Si Ma Cai là một huyện miền núi, vùng sâu, vùng xa của tỉnh Lào Cai. Toàn huyện có 13 xã và tất cả các xã đều được liệt vào diện những xã đặc biệt khó khăn, được đầu tư của chương trình 135. Cư dân sống trên địa bàn huyện phần lớn là đồng bào dân tộc thiểu số, chiếm 97%. Trong đó cộng đồng người Hmông chiếm 82% tổng dân số.

Hầu hết ở mỗi thôn bản của đồng bào thiểu số ở đây đều có một khu rừng cộng đồng mà theo tiếng Hmông thì gọi là rừng “lông¹”, tiếng Nùng gọi là rừng “bang”, tạm dịch ra tiếng Việt là rừng “ma”, rừng “thiêng”.

Hàng năm, từ ngày 30/1-2/2 người dân sẽ chọn một ngày để làm lễ cúng rừng, gọi là lễ “nào lòng”. Trong ngày cúng này tất cả các hộ gia đình đều cử đại diện của mình để tham gia. Trước ngày cúng khoảng 1 tuần, toàn bộ gia đình trong thôn tổ chức họp lại để bàn cách thức và quy mô của lễ cúng rừng, phân công trách nhiệm cho từng thành viên trong ngày cúng. Các hộ gia đình cũng đóng góp tiền (trước đây là thức ăn, rượu) để cho người tổ chức (theo tiếng Mông người này gọi là “lông thoz” - sẽ được trình bày sau) lo liệu thức ăn. Số tiền đóng góp là tùy theo từng thôn, nhưng thông thường khoảng từ 5000-10.000đồng / hộ gia đình. Trong ngày cúng, ngoài việc thầy cúng cầu khẩn thần “lông” cho một năm làm ăn gặp nhiều may mắn, mưa thuận gió hoà, không bị thiên tai, dịch bệnh ... thì ngày lễ cúng “lông” cũng được xem như một hoạt động tổng kết các công việc trong năm của thôn bản. Sau khi thầy cúng cúng xong là đến lúc để xem chân gà, thầy cúng sẽ nói cho mọi người những điều có thể xảy ra trong thôn bản trong năm tới.

Điểm đặc biệt quan trọng đó là lễ hội “nào lòng” không chỉ đơn thuần là một lễ hội cúng rừng, mà nó còn có ý nghĩa như một lễ tổng kết tất cả các hoạt động của thôn bản trong năm qua. ở đây, tất cả những nảy sinh, xích mích của các hộ gia đình trong năm đều được đưa ra thảo luận và tìm giải pháp giảng hoà, khắc phục. Những quy chế, quy định của thôn cũng

¹ Lòng là nguyên văn của tiếng Hán, dịch ra tiếng Mông là Giàng, và ra tiếng Việt nghĩa là Rồng.

được tổng kết. Những ai vi phạm sẽ bị nhắc nhở, hoặc phạt theo quy định của thôn. Người dân trong thôn cũng bàn luận với nhau bổ sung thêm các quy chế của thôn. Đặc biệt hơn là người dân sẽ bầu “lồng thoz” để quản lý, chịu trách nhiệm đôn đốc triển khai các hoạt động và theo dõi việc người dân có tuân thủ các quy định thôn bản đã đề ra trong lễ hội “nào lồng” hay không? Trên thực tế thì người này đóng một vai trò như là “trợ lý” của trưởng thôn để triển khai các hoạt động của thôn bản.

Tất cả các khu rừng “nào lồng” đều được bảo vệ một cách hết sức nghiêm ngặt. Hầu như tất cả người dân trong thôn bản đều tuân thủ nhưng quy định của cộng đồng về bảo vệ rừng ở đây. Các hoạt động chặt cây, lấy củi ... hầu như không diễn ra trong khu rừng “nào lồng”. Một điểm đặc biệt lưu ý là phần lớn ý kiến của các thành viên tham dự toạ đàm đều cho rằng chúng ta có thể áp dụng những quy chế mà người dân đề ra trong lễ cúng “nào lồng” đối với những khu rừng cộng đồng khác. Ông Vàng Duàn Phù – xã Dền Sáng, huyện Bát Xát cho rằng, việc sử dụng những lễ hội như thế để thảo luận những quy định bảo vệ rừng đối với các khu rừng khác trong thôn bản là hoàn toàn khả thi. Thực tế tại thôn Dền Sáng của ông không chỉ rừng cúng được bảo vệ mà các khu rừng khác cũng được bảo vệ tốt do trong ngày cúng rừng người dân cũng đã cam kết với nhau là không chặt phá rừng ở những khu rừng tương tự. Đây cũng có thể là bài học tốt để áp dụng đối với các thôn bản ở những huyện như Si Ma Cai, Bắc Hà, Mường Khương ...

Những khó khăn của người dân trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng

Mặc dù ở các thôn bản, các khu rừng cộng đồng đều được quản lý, bảo vệ tốt. Diện tích rừng trong những năm qua ở Lào Cai nói chung và ở các thôn bản nói riêng đều được tăng lên do sự đầu tư của nhà nước thông qua dự án 661 và do nhận thức của người dân về vai trò của rừng trong cuộc sống của họ có nhiều thay đổi. Tuy nhiên, các thành viên tham gia toạ đàm cũng đã đưa ra rất nhiều khó khăn trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Các khó khăn bao gồm về mặt thể chế, về kỹ thuật và nhận thức của người dân, và khó khăn về vốn đầu tư.

Thể chế

Phần lớn các khu rừng cộng đồng đã được nêu ở trên đều thuộc vào các rừng phòng hộ đầu nguồn. Trước đây, khi người dân bảo vệ rừng, họ vẫn thường có khái niệm là họ bảo vệ rừng của thôn bản mình, vì mục đích tín ngưỡng và những nhu cầu khác của cuộc sống thôn bản. Vào những thời kỳ đó, những ai vi phạm về quản lý, bảo vệ rừng đều bị xử phạt theo luật tục và quy định truyền thống của cộng đồng. Từ khi có các chương trình đầu tư của nhà nước thì nhận thức của người dân bắt đầu có sự thay đổi. Ví dụ như ở thôn bản Lọt, trước đây họ bảo vệ rừng là bảo vệ cho thôn bản, bảo vệ để có nguồn nước, củi đun và măng ăn. Nhưng kể từ khi dự án 327 và sau đó là dự án 661 vào thì họ đã nhận thức được đây là rừng của nhà nước và người dân bảo vệ rừng là bảo vệ rừng cho nhà nước. Chính vì vậy họ được hưởng tiền công bảo vệ. Song song với việc thay đổi nhận thức đó, người dân cũng không còn quyền được xử phạt đối với các vi phạm ở trong rừng nữa. Tất cả những vi phạm đều phải do cơ quan kiểm lâm thực hiện. Vì thế, chương trình 661 hết tiền đầu tư thì rừng ở bản Lọt cũng gặp khó khăn. Theo như ông Lý Văn Bình – tổ trưởng tổ bảo vệ rừng cho biết “hiện nay, trong thôn vẫn thường xuyên xảy ra chặt trộm rừng. Tổ bảo vệ có bắt được một số vụ vi phạm, nhưng khi bắt được thì họ nói là đã xin ông này, ông nọ ở trên rồi. Vì thẩm quyền không cho phép tổ bảo vệ thôn được xử phạt các vi phạm này nên chúng tôi chỉ lập hồ sơ rồi gửi lên trên để xử lý, và chúng tôi cũng không biết được kết quả của việc xử lý như thế nào?”

Theo như chúng tôi, nếu như rừng đã hết thời hạn đầu tư của dự án 661 thì nên giao lại cho người dân và tạo ra một cơ chế cho tổ bảo vệ và người dân được xử lý các vi phạm về bảo vệ rừng. Có như thế thì rừng mới được bảo vệ”. Hầu hết các ý kiến của thành viên tham gia đều cho rằng cần phải có một cơ chế để người dân tự quản lý rừng và tự xử phạt các vi phạm về bảo vệ rừng.

Một điểm nữa mà các thành viên cũng đưa ra đó là sự máy móc trong các chương trình giao đất, khoán rừng cho dân. ở tại xã Dền Sáng, huyện Bát Xát cũng như ở tại thôn bản Lọt, mặc dù rừng được quản lý theo hình thức cộng đồng nhưng cơ quan 661 và phòng tài nguyên môi trường lại giao rừng cho hộ gia đình. Có thể đây là một tồn tại của quá khứ, bởi vì trước năm 2004 luật của nhà nước chưa công nhận hình thức sở hữu cộng đồng. Nhưng trên thực tế thì những chương trình thực hiện ở năm 2005 của huyện Bát Xát vẫn giao riêng cho từng hộ gia đình. Sau khi các hộ này được giao rừng xong, họ lại cộng tác với nhau để bảo vệ rừng, thậm chí là bảo vệ chung của toàn thôn bản. Phần lớn ý kiến của các thành viên trong toạ đàm đưa ra là nên giao cho cộng đồng thôn bản quản lý những khu rừng sau đầu tư bảo vệ của chương trình 661 và những khu rừng già ở trong thôn. Ông Đặng Văn Quang – thôn bản Lọt nói “nếu rừng của chúng tôi mà giao cho cá nhân thì chắc bây giờ đã không còn một cây nào nữa rồi”.

Kỹ thuật và nhận thức của dân

Các đại biểu tham dự toạ đàm đều nhận thức được rằng nhà nước đã đầu tư rất nhiều tiền của trong chương trình phục hồi và phát triển rừng. Tuy nhiên, hiệu quả của công tác phát triển rừng ở một số huyện thị như Si Ma Cai, Bắc Hà, Bát Xát là chưa cao. Khi thảo luận cùng nhau là tại sao các chương trình trồng rừng của nhà nước đầu tư còn chưa đạt được kết quả cao? Tại sao nhà nước hỗ trợ cây giống, công trồng và chăm sóc cây nhưng hiệu quả của việc trồng rừng mới ở một số địa bàn vùng cao vẫn thấp? Các đại biểu cho rằng: Nguyên nhân thứ nhất là do nhận thức của một số đồng của người dân về vai trò của rừng còn thấp. Vì thế, khi nhà nước đầu tư vào, mặc dù họ vẫn nhận cây trồng, nhưng không thực sự quan tâm. Bên cạnh đó các chương trình đầu tư mang tính chất dàn trải, chia đều cho tất cả các hộ gia đình, chính vì vậy hiệu quả trồng rừng không cao. Theo các thành viên tham gia toạ đàm thì trước khi thực hiện các chương trình trồng rừng phải có những cuộc điều tra cụ thể về quỹ đất đai của thôn bản, của hộ gia đình. Thảo luận, tập huấn và tuyên truyền cho người dân về mục đích, ý nghĩa và lợi ích của việc trồng rừng. Ngoài ra, căn cứ vào những kết quả đó để xác định các hộ gia đình nào sẽ tham gia vào chương trình trồng rừng. Trong thôn bản cần phải có một số hộ gia đình gương mẫu, làm trước. Sau đó người dân nhìn thấy và làm theo. Có như thế thì những chương trình trồng mới rừng mới có hiệu quả.

Việc giúp đỡ, hướng dẫn kỹ thuật trồng, kỹ thuật làm vườn ươm để tạo ra nguồn cây giống tại chỗ cũng được các thành viên thảo luận và ủng hộ. Họ cho rằng một trong những nguyên nhân mà tỷ lệ cây rừng ở các chương trình trồng rừng thấp là do cây giống được vận chuyển từ nơi khác về. Đặc biệt đối với những cây không có bầu thì quá trình từ khi xuất khỏi vườn ươm đến lúc trồng kéo dài từ 5-7 ngày là quá dài, và như vậy cây sẽ chết. Đề xuất của các thành viên trong toạ đàm là đối với những cây không có bầu thì có thể hướng dẫn người dân xây dựng các khu vườn ươm tại chỗ để gieo ươm.

Vốn đầu tư

Mặc dù nhà nước đã đầu tư một lượng tài chính lớn cho các chương trình trồng, bảo vệ và phát triển rừng. Tuy nhiên, theo một số thành viên cho rằng: Những đầu tư trước đây chỉ tập trung vào mặt hỗ trợ cây giống, tiền trồng và chăm sóc mà chưa tập trung vào đầu tư để nâng cao nhận thức của người dân nên hiệu quả các chương trình còn thấp. Ngày nay, khi nhận thức của người dân đã tăng lên vì họ đã nhìn thấy những mô hình có hiệu quả trong thôn bản thì các chương trình đầu tư lại chững lại. Các thành viên tham gia tọa đàm đều cho rằng nhà nước cần tiếp tục hỗ trợ người dân về cây giống, kỹ thuật cho những chương trình trồng rừng mới.

Kết quả thảo luận tại tọa đàm giữa các nhà quản lý lâm nghiệp tổ chức tại chi cục lâm nghiệp.

Nội dung thảo luận trên tình thần cởi mở, tất cả cùng nhau trao đổi theo quan điểm ý kiến của mình. Thông qua kết quả tọa đàm của người dân, từ những ý kiến, kiến nghị của người dân để các nhà quản lý đưa ra thảo luận. Mục tiêu của tọa đàm là làm thế nào để phát huy tối đa vai trò của cộng đồng trong quá trình bảo vệ và phát triển rừng....

Qua những kiến nghị nêu lên từ thực tế, tại tọa đàm giữa các nhà quản lý lâm nghiệp đã có rất nhiều những ý kiến ở một số vấn đề sau:

Quy hoạch sử dụng đất; giao rừng và đất lâm nghiệp

Quy hoạch và sử dụng đất lâm nghiệp, giao đất nhằm mục đích phát triển rừng tại vùng cao là một vấn đề cần quan tâm đúng mức, chúng ta đã giao cho người dân rất nhiều đất lâm nghiệp nhưng qua thực tế kiểm tra thấy rằng hiện nay người dân vẫn chỉ sử dụng được khoảng 40% Còn 60 % thì chưa sử dụng hoặc sử dụng sai mục đích.

Đối với ở cơ sở thì cũng đang gặp rất nhiều vướng mắc, vì các loại đất đai vẫn chồng chéo lên nhau nhưng để có sự tham gia của cộng đồng là việc làm rất tốt. Công tác làm trực tiếp với các xã, và vạch ra các ranh giới đâu là đất rừng sản xuất, rừng đặc dụng, đâu là rừng phòng hộ ... và tiến hành họp dân để tham vấn ý kiến, thậm chí còn đưa lên hội đồng nhân dân, các ban ngành của huyện... đây là cơ sở thực tế nhất, chỗ nào nên đưa vào dự án, chỗ nào nên đưa vào kinh doanh để thống nhất trong việc quy hoạch đất.

Trong công tác quy hoạch đất đai thôn bản: Lào Cai là một trong những tỉnh đã thực hiện sớm về lĩnh vực này. Nhưng thực tế của công việc quy hoạch ở thôn bản vẫn chủ yếu là do cán bộ cấp tỉnh thực hiện. Điều này ít nhiều dẫn đến tính thiếu hiệu quả và thiếu tính thực tế của công tác quy hoạch. Liệu chúng ta có thể có một phương pháp quy hoạch nào hợp lý hơn hay không? Chúng ta nên xây dựng một mô hình mẫu để cho người dân học tập. Vậy để có cơ sở thấu đáo trong định hướng về vấn đề quy hoạch và giao đất giao rừng trong những năm tới, có những ý kiến cho rằng:

- Chúng ta nên dành những nguồn kinh phí nhất định để đầu tư đến tận thôn bản, nhưng phải cũng phải có rà soát lại quy hoạch chứ nếu mà chúng ta làm tràn lan thì sẽ thất bại.

- Về pháp lý chúng ta nên khép kín, giấy tờ, thủ tục cũng cần khép kín, làm trình tự từng bước nhất định vấn đề quy hoạch giao đất sẽ thành công và thực tế hơn .
- Giao cho cộng đồng nhưng những khu rừng cộng đồng gần dân cư thì được nhưng xa dân cư thì hiệu quả rất thấp chứ chưa nói đến bị thất thoát.

Như vậy, đối với những diện tích đã có rừng đã hết đầu tư của dự án 661, và những khu rừng trước đây người dân quản lý thì giao lại cho cộng đồng quản lý, bên cạnh đó phải có những quyền đi kèm, và kèm theo những chế tài nhất định (Như quyền sử phạt vi phạm trong một mức độ nào đấy). Trong quá trình giao, tiến trình thực hiện phải lồng ghép được kiến thức bản địa của người dân để làm sao đưa ra được qui chế của cộng đồng. Đối với những khu rừng trước đây được quản lý bởi cộng đồng thì cần phải giao lại cho cộng đồng. Đối với những khu rừng hết hạn đầu tư đề nghị đầu tư tiếp trong thời gian nhất định để rừng được phục hồi lại.

Giống, kỹ thuật trồng rừng và khoanh nuôi tái sinh rừng:

Giống là vấn đề quan trọng nhất kể đến là phòng ngừa sâu bệnh hại, đối với chúng ta những nhà kỹ thuật thì làm được nhưng người dân thì phần lớn là chưa làm được, hoặc làm không có hiệu quả. Do vậy phát triển ươm cây giống tại chỗ từng địa bàn là rất tốt vì điều kiện là cây bản địa, quãng đường vận chuyển ngắn, đảm bảo chất lượng cây trồng, và nên hỗ trợ cho bà con một phần kinh phí, kiến thức để họ tự nhân giống phục vụ chính nhu cầu thiết yếu trong công tác trồng rừng của hộ gia đình là một điều rất tốt.

Có qui hoạch của thôn bản, xem lại diện tích đất của dân có gì, và xem xét lại những qui đất đang canh tác (Cần sự qui hoạch chi tiết cho người dân).

Hỗ trợ phát triển rừng và cây giống, nhà nước có thể vẫn hỗ trợ cây giống cho bà con. Do nhận thức của người dân đã có sự thay đổi nên bà con rất mong muốn được trồng và phát triển rừng

Quản lý, bảo vệ rừng

Trong những năm qua diện tích rừng được giao cho cộng đồng quản lý thì hiệu quả rất tốt còn rừng giao cho hộ quản lý thì nhiều vùng hiệu quả vẫn chưa cao. Việc giao rừng cho cộng đồng thì cần gắn liền với các chế tài. tất nhiên việc xử lý là phải theo qui định của pháp luật là phải theo pháp luật, nhưng ở mỗi cộng đồng lại có những đặc thù riêng và người ta có những qui ước riêng để đưa ra qui ước cho xã, thôn. Và họ có quyền phạt những người vi phạm những trong một phạm vi nhất định trong khuôn khổ pháp luật cho phép.

Phần thứ ba: Những kiến nghị, đề xuất

Những kiến nghị của cộng đồng người dân về phát triển rừng

Các khu rừng già, rừng tự nhiên

Đối với các khu rừng già, rừng tự nhiên mà các dự án 661 đã đầu tư khoán bảo vệ sau 5 năm thì cần giao lại cho cộng đồng thôn bản để quản lý, bảo vệ. Để hỗ trợ người dân quản lý tốt các khu rừng này, các cán bộ lâm nghiệp, cán bộ phát triển cộng đồng cần hỗ trợ hợp dân thôn bản nhằm xây dựng quy chế quản lý, bảo vệ rừng của thôn.

Với một số khu rừng đã hết thời gian quản lý, bảo vệ trong khuôn khổ chương trình dự án 661 nhưng rừng vẫn chưa khép tán, trữ lượng rừng còn thấp thì đề nghị với nhà nước tiếp tục hỗ trợ kinh phí khoán bảo vệ rừng thêm 1-2 năm nữa, khi rừng khép tán thì giao lại cho cộng đồng.

Sau khi rừng đã được giao cho cộng đồng, cần phải giao quyền cho cộng đồng thôn bản xử lý các vi phạm về quản lý, bảo vệ rừng trong một phạm vi nhất định.

Để rừng được quản lý, bảo vệ được tốt cần kết hợp trong những ngày cúng rừng, cúng “nào lòng”, lễ bảo vệ rừng của địa phương nhằm đề ra những quy định bảo vệ những khu rừng khác. Động viên người dân cam kết thực hiện các quy định đó ngay trong ngày cúng rừng.

Đối với các khu rừng được quản lý bởi cộng đồng, nhưng chỉ giao cho một số hộ, cần sớm thu hồi các quyết định đã giao rừng cho hộ gia đình để giao lại cho cộng đồng.

Việc phát triển rừng mới

Điểm nhất thiết phải làm là cùng với cộng đồng người dân quy hoạch lại đất đai để từ đó xác định những chỗ đất trồng, những nương ngô kém năng suất để có thể trồng rừng, hoặc khoanh nuôi để cây tái sinh tự nhiên (đặc biệt đối với cây tồng qua sủ).

Hỗ trợ kỹ thuật làm vườn ươm và hỗ trợ cây giống cho người dân để phát triển rừng trên những nương ngô bạc màu. Hoặc có thể thảo luận với dân trồng cây phân tán, băng đai trên các nương ngô, dọc đường đi lại.

Trước khi triển khai làm vườn ươm, hoặc trước khi giao cây cho dân trồng ở các chương trình trồng rừng, cần phải tập huấn, trao đổi với người dân để họ hiểu được tầm quan trọng của việc trồng rừng, lợi ích kinh tế từ trồng rừng. Điều này sẽ giúp dân có ý thức hơn khi nhận cây, hoặc làm vườn ươm để trồng rừng.